ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2501/QĐ-UBND	*Hương Trà, ngày 26 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Phân lô đất ở xen ghép tại tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định 37/2010/NĐ-CP 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định 942/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt thiết kế mặt bằng phân lô đất ở xen ghép tại tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà;

Căn cứ Công văn số 2369b/UBND-QLĐT ngày 05/9/2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch tổng mặt bằng dự án Phân lô đất ở xen ghép tại tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 1805/TTr-QLĐT ngày 21/12/2023 và Báo cáo thẩm định số 1804/TĐ-QLĐT ngày 21 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Phân lô đất ở xen ghép tại tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Phân lô đất ở xen ghép tại tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Vị trí khu đất: Khu đất thuộc tổ dân phố La Chữ Nam, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc: Tiếp giáp đất giao thông và khu ở hiện trạng.

+ Phía Tây: Tiếp giáp khu ở hiện trạng.

+ Phía Nam: Tiếp giáp đất trồng cây lâu năm.

+ Phía Đông: Tiếp giáp đất ở đã đấu giá.

3. Quy mô:

a) Quy mô diện tích: 4.898.6m2.

b) Quy mô dân số: Khoảng 110 người.

4. Mục tiêu, tính chất: Chỉnh trang theo khu dân cư hiện hữu, tăng hiệu quả sử dụng các quỹ đất xen ghép trong khu vực dân cư hiện hữu, xây dựng khu ở có kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với định hướng phát triển đô thị, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

5. Nhiệm vụ:

a) Xác định phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch. Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên; quy mô dân số, hiện trạng sử dụng đất, công trình kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật tại khu vực lập quy hoạch.

b) Xác định mục tiêu lập quy hoạch.

c) Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho toàn khu vực quy hoạch.

d) Xác định chức năng sử dụng đất, quy mô diện tích, dân số, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất trong khu vực lập quy hoạch; chỉ giới xây dựng công trình đối với từng lô đất và trên các trục đường từ cấp nội bộ.

e) Xác định yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực quy hoạch và yêu cầu về bố trí công trình, hạng mục công trình trong khu đất (xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất).

f) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án:

6.1. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chính:

- Chỉ tiêu sử dụng đất: Đất ở 28-45m2/người; đất giao thông ≥18%;

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông: Thiết kế phù hợp quy hoạch chung và đường đô thị; các tuyến còn lại theo quy mô đường nội bộ nhóm nhà ở rộng nền đường rộng 7,5m; bề rộng mặt đường B=5.5m; các thông số tính toán phù hợp quy định hiện hành; Kích thước vạt góc tính từ điểm giao nhau với lộ giới các tuyến đường căn cứ theo bảng 1, mục 5.3 – Yêu cầu về tầm nhìn của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9411-2012.

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt ≥1000kWh/người/năm.

+ Cấp nước đảm bảo Q = 120 l/người. ngày.đêm

+ Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh : 0,9kg/ người. ngày.đêm.

+ Tiêu chuẩn nước thải ≥80% cấp nước sinh hoạt.

+ Hệ thống thoát nước mặt đảm bảo không ứ đọng gây ngập úng đặc biệt tại các khu vực đấu nối với hệ thống hiện trạng; hệ thống hạ tầng ngầm đảm bảo khoảng cách an toàn theo chiều ngang và chiều đứng.

- Các yêu cầu quản lý khác thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị trên địa bàn thị xã Hương Trà và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

6.2. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao	Chiều cao (m)
1	Đất ở liền kề	*OLK*	3.591,8	73,3	Theo kết quả nội suy	1-4	≤ 18
2	*Đất hạ tầng kỹ thuật*	*KT*	*326,9*	6,7			
3	*Đất giao thông*	*GT*	*979,9*	20,0			
4	**Tổng**		**4.898,6**	**100,0**			

b) Quy hoạch chi tiết phân lô:

Đất ở bao gồm: 22 lô đất ở liền kế (có diện tích 147,1 - 193,5m2/lô) bố trí bám theo các tuyến đường quy hoạch của khu dân cư.

LÔ OLK1

Stt	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)
1	OLK1-01	147,1
2	OLK1-02	161,6
3	OLK1-03	158,3
4	OLK1-04	155,3
5	OLK1-05	154,0
6	OLK1-06	154,0
7	OLK1-07	193,5
	Tổng	**1123,8**

LÔ OLK2

Stt	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)
1	OLK2-01	193,5
2	OLK2-02	154,0
3	OLK2-03	154,0
4	OLK2-04	154,0
5	OLK2-05	154,0
6	OLK2-06	154,0
7	OLK2-07	154,0
8	OLK2-08	193,5
	Tổng	**1311,0**

LÔ OLK3

Stt	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)
1	OLK3-01	193,5
2	OLK3-02	154,0
3	OLK3-03	154,0
4	OLK3-04	154,0
5	OLK3-05	154,0
6	OLK3-06	154,0
7	OLK3-07	193,5
	Tổng	**1157,**

c) Chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất, chỉ giới xây dựng công trình:

Mỗi lô đất tương ứng với 01 hộ gia đình trung bình khoảng 05 người; chỉ tiêu sử dụng đất đối với mỗi lô đất từ 29,4m2/người – 38,7m2/người (phù hợp chỉ tiêu đất ở 28-45m2/người). Hệ số sử dụng đất tối đa: 3,2.

Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ được nội suy để xác định theo quy định (Bảng 2.8 của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng) cụ thể như sau:

Diện tích lô đất (m2/căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≥1.000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40

Chỉ giới xây dựng công trình đối với từng lô đất và trên các trục đường: Đối với các trục đường: Lùi ≥3m so với chỉ giới đường đỏ; đối với mương thoát nước thải: Lùi ≥1m so với mép ngoài cùng của mương.

6.3. Tổ chức không gian, kiến trúc:

a) Quy định về hình thức kiến trúc, không gian cảnh quan:

Tổng thể khu vực gồm các không gian công trình nhà ở liên kế, công trình giao thông gồm các trục đường giao thông nội bộ gồm trục giao thông. Xây dựng các tuyến quy hoạch 01, 02, 03, 04; hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và công trình khác.

- Đất ở liên kế: Đảm bảo phù hợp diện tích và kích thước cạnh tối thiểu theo quy định.

- Đất giao thông nội bộ nhằm giải quyết nhu cầu về quản lý trật tự xây dựng đồng thời tăng thêm cảnh quan cho một khu ở mới có chất lượng cuộc sống tốt, phù hợp nhu cầu.

- Các công trình hạ tầng xã hội hiện hữu quanh khu vực dự án đảm bảo phù hợp bán kính phục vụ theo quy định.

- Kiểu dáng kiến trúc nhà ở, công trình được thiết kế theo công năng và tuân thủ các quy chuẩn và quy định quản lý đã ban hành. Phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục, tập quán, văn hoá - xã hội của địa phương; mái nhà trong các khu ở khuyến khích sử dụng hình thức mái dốc. Khuyến khích sử dụng các vật liệu sẵn có của địa phương.

- Các công trình được thiết kế theo công năng sử dụng, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành của Nhà nước.

b) Quy định về chiều cao công trình và số tầng xây dựng:

Phương án phân lô đất ở có diện tích mỗi lô đảm bảo phù hợp quy định và nhu cầu thực tiễn; kết hợp chỉnh trang hiện trạng và phù hợp quy định hiện hành. Chiều cao công trình ≤ 18m và số tầng 1-4 tầng. Tầng 1 cao 3,9m- 4,2m; tầng 2 cao 3,6m-3,9m; tầng 3 cao 3,3m-3,6m; tầng 4 cao 3,0m-3,3m.

Cốt nền nhà (±0.00) so với vỉa hè từ +0.45m (cao hơn mặt đường: +0,60m).

c) Quy định về màu sắc:

- Khuyến khích sử dụng gam màu sáng hài hòa cảnh quan xung quanh. Tránh sử dụng các gam màu tối vì màu tối hấp thụ nhiệt và giữ nhiệt lớn, đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu ứng nhà kính mà các nhà khoa học đang khuyến cáo.

- Mái sử dụng ngói màu đỏ hoặc xanh (nếu có).

d) Quy định về hình thức cổng, hàng rào:

- Không được phép xây dựng vượt ra ngoài chỉ giới xây dựng, kể cả phần móng.

- Cổng và hàng rào có màu sắc trung tính, khuyến khích sử dụng các vật liệu ở địa phương như: gạch, đá ốp…

- Khuyến khích tạo hàng rào trồng cây xanh kết hợp.

- Mỗi nhà chỉ được phép mở một cổng chính. Việc mở thêm cổng phụ, lối thoát nạn… cần phải căn cứ yêu cầu cụ thể của công trình và được các cấp chính quyền xem xét, quyết định.

e) Quan hệ với các công trình bên cạnh:

- Không được phép mở cửa đi, cửa sổ, cửa thông gió nếu mép tường nhà trong ranh giới lô đất hoặc ranh giới nền nhà thuộc quyền sử dụng của người khác. Chỉ được phép mở cửa đi, cửa sổ, lỗ thông hơi nếu tường xây cách ranh giới lô đất, ranh giới nền nhà bên cạnh từ 2,0m trở lên.

- Không bộ phận nào của ngôi nhà kể cả thiết bị, đường ống, phần móng dưới đất được vượt quá ranh giới đất sử dụng.

- Không được xả nước thải, nước mưa, khí bụi, khí thải sinh hoạt sang nhà bên cạnh hoặc làm ảnh hưởng cộng đồng.

- Ngăn cách ranh giới giữa hai nhà khuyến khích có hàng rào thông thoáng cao bằng hàng rào mặt tiền; phần móng tường rào có thể xây đặc và cao tối đa là 0,6m.

6.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: Quy hoạch cao độ nền dựa trên cao độ nền hiện trạng đã xây dựng ổn định trong khu vực. Tạo độ dốc địa hình để thoát nước bề mặt tự nhiên. San nền đến cốt thiết kế nền nhà phù hợp với cao độ đường giao thông.

- Thoát nước mưa: Bố trí mương bê tông cốt thép B400 chạy dọc phía trước các lô đất. Hướng thoát nước chảy từ Tây sang Đông đấu nối với tuyến mương thoát nước hiện có. Trên tuyến thoát nước tại các điểm chuyển hướng,

tại những chỗ giao nhau của các tuyến thoát nước và trên các tuyến thoát nước thẳng bố trí các hố ga thu nước đảm bảo khoảng cách và kích thước theo tiêu chuẩn để thu gom nước mưa cho khu quy hoạch.

b) Giao thông:

- Mạng lưới giao thông bao gồm tuyến đường trục chính vào khu quy hoạch và các tuyến đường nội bộ cơ bản vuông góc với trục chính. Cốt tim đường được căn cứ vào các tuyến đường quy hoạch và cao độ khảo sát tim các tuyến đường hiện có. Các nút giao được thiết kế phương án giao cùng mức

- Lộ giới quy hoạch:

+ Đường trục chính (mặt cắt 1-1): 1,5m+5,5m+1,5m=8,5m.

+ Đường nội bộ (mặt cắt 2-2): 1,0m+5,5m+1,0m=7,5m;

- Chỉ giới xây dựng: Lùi ≥3 m so với chỉ giới đường đỏ.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước: Đấu nối với hệ thống cấp nước khu vực hiện có dọc đường liên thôn phía Bắc khu quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạch nhánh dọc theo các trục giao thông. Từ tuyến cấp nước hiện có đấu nối tuyến ống HDPE D63 dọc đường trục chính phía Bắc khu quy hoạch và các tuyến rẽ nhánh HDPE D63 dọc các trục giao thông nội bộ để cấp nước cho khu quy hoạch.

- Chữa cháy: Nước chữa cháy nếu có trường hợp cháy xảy ra sẽ sử dụng nước lấy từ trụ chữa cháy được bố trí dọc đường trục chính phía Bắc khu quy hoạch với bán kính đảm bảo phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

d) Cấp điện, chiếu sáng: Dịch chuyển các trụ điện hiện trạng chạy dọc đường trục chính phía Bắc khu quy hoạch vào vị trí ranh giới giữa 2 lô đất; đấu nối vào hệ thống điện hiện chạy dọc đường liên thôn phía phía Bắc khu quy hoạch. Tại các trụ cấp điện bố trí kết hợp với đèn chiếu sáng.

e) Quy hoạch thoát nước thải, thu gom chất thải rắn:

* Quy hoạch thoát nước thải:

- Bố trí mương thoát nước thải bê tông cốt thép B400 chạy dọc phía sau các lô đất.

- Thu gom nước thải sinh hoạt đảm bảo ≥80% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt; nước thải từ nhà ở phải xử lý cục bộ bằng bể xử lý, bể tự hoại, đúng quy cách trước khi thải vào các mương thu nước thải.

* Thu gom chất thải rắn:

- Rác thải được thu gom 100% với chỉ tiêu dự kiến 0,2 kg/người.ngày.

- Xử lý rác thải: rác thải được thu gom và đưa đến Khu xử lý chất thải rắn chung của Tỉnh.

- Thùng thu rác trên các tuyến phố phải được đặt đúng vị trí quy định, đảm bảo mỹ quan, có kích thước thích hợp với mọi đối tượng, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

f) Thông tin – viễn thông: Đấu nối vào hệ thống hiện có của khu vực. Hệ thống đường dây phải đảm bảo gọn gàng, mỹ quan.

6.5. Giải pháp bảo vệ môi trường:

** Giai đoạn đầu tư xây dựng công trình:*

+ Cần cải tiến công nghệ phù hợp và biện pháp quản lý chặt chẽ ở từng bộ phận có thể giảm thiểu dược số lượng lớn chất thải phát sinh, bao gồm: Thu gom rác sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng đúng quy định; Dự toán chính xác khối lượng vật tư, vật liệu phục vụ cho dự án, giảm thiểu lượng dư thừa sau khi xây dựng công trình; Chọn điểm tập kết vật liệu phù hợp, cuối hướng gió, trên nền đất cao để tránh tình trạng thất thoát và thất thoát khi chưa sử dụng đến, có kế hoạch tập kết vật liệu hợp lý trong quá trình xây dựng.

+ Các biện pháp giảm thiểu tác động của khói bụi và nước thải phát sinh trong quá trình thi công: Nước thải từ các khu vực xây dựng sẽ được thu gom, xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận, đặc biệt dầu thải của các thiết bị thi công phải được thu gom triệt để.

+ Việc thu gom và xử lý chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường là điều bắt buộc đối với khu vực xây dựng công trình. Trong dự án này việc thu gom và xử lý chất thải phải được thực hiện từ khi xây dựng đến khi đi bàn giao và quá trình tháo dỡ ngưng hoạt động để tránh gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh.

** Giai đoạn đưa dự án đi vào hoạt động:*

- Không khí: Không sử dụng còi, giảm tốc độ ...; xây dựng hệ thống giao thông, sân bải đảm bảo quy chuẩn, thường xuyên duy tu bảo dưỡng; Trồng nhiều cây xanh nhằm cải thiện môi trường trong khu vực dự án.

- Nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác dọc các lối đi trong khuôn viên để thu gom rác, thuê đơn vị thu gom, vận chuyển , xử lý rác theo quy định.

+ Chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh (nếu có): Thu gom, phân loại rác đối với rác có khả năng tái chế thì bán phế liệu, đối với rác không có khả năng tái chế thì thuê đơn vị vận chuyển, xử lý rác theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở điều chỉnh tổng thể Quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt, Ban QLDA ĐTXD khu vực Hương Trà phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức cắm mốc giới quy hoạch và công bố quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Lập kế hoạch triển khai dự án theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức quản lý, sử dụng đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của UBND thị xã Hương Trà.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD khu vực thị xã; Chủ tịch UBND phường Hương Chữ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Duy Hùng